

Bản án số: 152/2020/DS-PT
Ngày 08 tháng 6 năm 2020
V/v: “Chia di sản thừa kế và huỷ giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tũu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/2020/DS-PT ngày 23 tháng 3 năm 2020 về việc “Chia di sản thừa kế và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DS-ST ngày 24 tháng 09 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 711/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1925 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp ML 1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S : Bà Lê Lâm Th, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Số, LTK, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. Bà Trần Thị Bạch T (Đ), sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số, tổ 43, khóm TK 6, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3. Bà Trần Thị Bạch L (Bé T), sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 374 NC, BK3, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Bị đơn:

1. Bà Trần Thị Bạch H (Bé N), sinh năm 1961 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Thiện Đ, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp ML 1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố LX (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị Bạch M (Bé B), sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp MK 2, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bạch Mai: Bà Trần Thị Bạch T, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 913/3A, tổ 43, khóm TK 6, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3. Ông Lê Văn B, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp MH, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Béo: Ông Phạm Xuân S, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số 1056, đường X, phường 12, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Chị Nguyễn Trần Mai X, sinh năm 1992, Nguyễn Khải H, sinh năm 2009 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp ML 1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Khải H: ông Nguyễn Thiện Đ và bà Trần Thị Bạch H (vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Ông Lê Văn B – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị S và bà Lê Lâm Th người đại diện theo ủy quyền của bà S trình bày:

Bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn Th (chết năm 2000) là vợ chồng, trong quá trình chung sống bà S, ông Th có tạo lập được khối tài sản là phần đất có diện tích 83,2m² cùng với căn nhà gắn liền trên đất, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên năm 1991 bà S có đi kê khai đăng ký nhà đất và nộp thuế theo quy định pháp luật. Bà S và ông Th có 05 người con

chung là Trần Thị Bạch T, Trần Thị Bạch M, Trần Thị Bạch L, Trần Thị Bạch H và Trần Thị Bạch L1(chết lúc còn nhỏ). Ông Th chết không có để lại di chúc. Sau khi ông Th chết bà S sống chung với con gái út là bà Trần Thị Bạch H và con rể là Nguyễn Thiện Đ trên phần đất và nhà như đã nêu.

Tuy nhiên đến khoảng tháng 04 năm 2017 thì bà S phát hiện diện tích đất trên đã được UBND thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02172kA ngày 02/4/2009 cho gái và con rể là Trần Thị Bạch H và Nguyễn Thiện Đ đứng tên. Theo như bà S được biết thì hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang bị Chi cục thi hành án thành phố LX kê biên để thi hành bản án giữa ông Đ, bà H với ông Lê Văn B.

Đây là tài sản chung của bà S, ông Th nhưng vợ chồng H và Đ lợi dụng việc ở chung với bà S tự ý đi kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không thông qua ý kiến của bà S cũng như các đồng thừa kế khác làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà S và các đồng thừa kế khác.

Nay bà S yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02172kA, thửa số 5, tờ bản đồ số 42, diện tích 83,2m², tại địa chỉ: ấp ML 1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang do UBND thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Thiện Đ và bà Trần Thị Bạch H và yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật phần tài sản này.

Nguyên đơn - bà Trần Thị Bạch L trình bày:

Bà Thống nhất với phần trình bày của bà S về nguồn gốc cũng như quá trình sử dụng đất. Lúc sinh thời cha, mẹ bà có tạo lập được khối tài sản là phần đất có diện tích 83,2m² cùng với căn nhà gắn liền trên đất, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cha bà là ông Th chết không có để lại di chúc nhưng vợ chồng H và Đ lợi dụng việc ở chung với bà S tự ý đi kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không thông qua ý kiến của mẹ bà cũng như các đồng thừa kế khác làm ảnh hưởng đến quyền lợi của mẹ bà và các đồng thừa kế khác.

Nay bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02172kA, thửa số 5, tờ bản đồ số 42, diện tích 83,2m², tại địa chỉ: ấp ML 1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang do UBND thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Thiện Đ và bà Trần Thị Bạch H và yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật phần tài sản này. Đối với phần tài sản tranh chấp này bà đồng ý được nhận hiện vật và hoàn giá trị lại cho các đồng thừa kế khác.

Nguyên đơn - bà Trần Thị Bạch T và là đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị Bạch M trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của bà S về nguồn gốc cũng như quá trình sử dụng đất. Lúc sinh thời cha, mẹ bà có tạo lập được khối tài sản là phần đất có diện tích 83,2m² cùng với căn nhà gắn liền trên đất, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cha bà là ông Th chết không có để lại di chúc nhưng vợ chồng H và Đ lợi dụng việc ở chung với bà S tự ý đi kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không thông qua ý kiến của

mẹ bà cũng như các đồng thừa kế khác làm ảnh hưởng đến quyền lợi của mẹ bà và các đồng thừa kế khác.

Nay bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02172kA, thửa số 5, tờ bản đồ số 42, diện tích 83,2m², tại địa chỉ: ấp ML 1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang do UBND thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Thiện Đ và bà Trần Thị Bạch H và yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật phần tài sản này.

Do bà Bạch L là người trực tiếp nuôi dưỡng mẹ là bà S nên bà đồng ý giao tài sản cho bà Bạch L quản lý sử dụng các bà đồng ý nhận giá trị.

Bị đơn - ông Nguyễn Thiện Đ và bà Trần Thị Bạch H do ông Đ đại diện trình bày:

Nguồn gốc đất và căn nhà tranh chấp là của cha, mẹ vợ Bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn Th (chết năm 2000). Bà S và ông Th có 05 người con chung là Trần Thị Bạch T, Trần Thị Bạch M, Trần Thị Bạch L, Trần Thị Bạch H và Trần Thị Bạch L1(chết lúc còn nhỏ). Ông Th chết không có để lại di chúc. Sau khi ông Th chết bà S sống chung với vợ chồng ông trên phần đất và nhà như đã nêu. Do do có chủ trương đo đại trà nên vợ chồng tự ý kê khai để được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm mục đích lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để được vay vốn tại Ngân hàng do vợ chồng nuôi cá thua lỗ, đang cần vốn. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính đã được bà L cất giữ, vì thời gian vay Ngân hàng không có tiền trả, bà L đã bỏ tiền ra để lấy giấy về. Vợ chồng xác định việc kê khai này là giấu gia đình nên hoàn toàn sai trái.

Nay ông, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02172kA, thửa số 5, tờ bản đồ số 42, diện tích 83,2m², tại địa chỉ: ấp ML 1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang do UBND thành phố LX cấp cho ông và bà H đứng tên và đồng ý chia thừa kế theo quy định pháp luật phần tài sản này.

Do bà Bạch L là người trực tiếp nuôi dưỡng mẹ là bà S nên ông, bà đồng ý giao tài sản cho bà Bạch L quản lý sử dụng ông, bà đồng ý nhận giá trị.

Ngoài ra trước đây vợ chồng ông có giao dịch mua bán thức ăn với ông Lê Văn B. Do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông thiếu tiền ông Béo, sau đó ông B khởi kiện ra Tòa và bản án đã có hiệu lực pháp luật. Ông B yêu cầu kê biên thi hành án đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02172kA, thửa số 5, tờ bản đồ số 42, diện tích 83,2m², tại địa chỉ: ấp ML 1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang do UBND thành phố LX cấp cho vợ chồng ông đứng tên. Việc yêu cầu dùng tài sản này để thi hành bản án cho ông B ông, bà không đồng ý. Sau khi phần tài sản tranh chấp này được chia thừa kế theo pháp luật thì phần vợ chồng ông được hưởng vợ chồng ông sẽ trả cho ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Văn B trình bày:

Ông và ông Đ bà H có giao dịch mua bán thức ăn. Vợ chồng ông Đ bà H thiếu tiền ông, sau đó ông khởi kiện ra Tòa và bản án đã có hiệu lực pháp luật. Ông yêu cầu thi hành án và biết ông Đ và H có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02172kA, thửa số 5, tờ bản đồ số 42, diện tích 83,2m², tại địa chỉ: ấp ML 1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang do UBND thành phố LX cấp. Việc tranh chấp chia thừa kế này ông không có ý kiến, ông chỉ yêu cầu dùng tài sản này để thi hành bản án cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Trần Mai X và anh Nguyễn Khải H trình bày:

Chị X và anh H là con con ông Đ, bà H, anh chị thống nhất với phần trình bày của ông Đ, bà H anh chị không có ý kiến gì bổ sung thêm. Anh, chị yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ủy ban nhân dân thành phố LX:

Quá trình giải quyết vụ án Ủy ban nhân dân thành phố LX không có ý kiến, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DS-ST ngày 24/09/2019, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015; Điều 650, Điều 651 và khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Bạch T, bà Trần Thị Bạch L

[1] Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02172kA, thửa số 5, tờ bản đồ số 42 do UBND thành phố LX cấp ngày 02/4/2009 cho bà Trần Thị Bạch H và ông Nguyễn Thiện Đ đứng tên, đất có diện tích 83,2m², tọa lạc: ấp ML 1, xã MHH, thành phố LX, An Giang.

[2] Công nhận cho bà Trần Thị Bạch L được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 83,2m², cùng căn nhà gắn liền trên đất có kết cấu khung gỗ, vách Tibble cimerg gạch bông, gạch tàu, có lầu ván, mái tote. Đất và nhà tọa lạc: ấp ML 1, xã MHH, thành phố LX, An Giang. Bà L có nghĩa vụ đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai và quản lý nhà ở để làm thủ tục đăng ký, tách, chuyển để đứng tên quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích nêu trên.

[3] Công nhận cho bà Trần Thị Bạch L được quyền quản lý sử dụng số tiền số tiền 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Bà L có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Trần Thị Bạch T, bà Trần Thị Bạch M và bà Trần Thị Bạch H mỗi người một kỷ phần bằng 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

[4] Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 09/5/2019 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về việc “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” đối với ông Nguyễn Thiện Đ và bà Trần Thị Bạch H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/09/2019, ông Lê Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phạm Xuân S đại diện cho ông Lê Văn B trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Chi cục Thi hành án vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế là đúng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Thiện Đ và bà Trần Thị Bạch H nợ tiền của ông B nhưng không trả. Tòa án cấp sơ thẩm không tính công sức đóng góp, tôn tạo, bảo quản di sản để yêu cầu các đồng thừa kế chia thêm cho ông Đ, bà H phần này, dẫn tới ông Đ bà H được chia tiền ít hơn nên ảnh hưởng đến việc ông Đ, bà H thi hành án khoản tiền nợ ông B là thiệt thòi cho ông B. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Bà Lê Lâm Th trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tài liệu chứng cứ của vụ án, xét xử đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Béo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của Kiểm sát viên tham gia

phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.2] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã được đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự này đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hoặc đã có văn bản ủy quyền cho người khác có mặt tham gia phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông Lê Văn B:

Khu đất diện tích 83,2m², thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại ấp ML 1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang, trên đất có căn nhà từ nguồn gốc là của vợ chồng cụ Nguyễn Thị Sánh, cụ Trần Văn Th. Cụ Th chết năm 2000, không có di chúc.

Cụ Nguyễn Thị S, cụ Trần Văn Th được 05 người con chung gồm các bà Trần Thị Bạch T, Trần Thị Bạch M, Trần Thị Bạch L, Trần Thị Bạch H và Trần Thị Bạch L1 (chết lúc còn nhỏ). Cụ Th, cụ S đều không có giao dịch chuyển nhượng hoặc tặng cho khu đất này cho vợ chồng ông Nguyễn Thiện Đ, bà Trần Thị Bạch H. Tuy nhiên, vào năm 2008 thì vợ chồng bà Trần Thị Bạch H, ông Nguyễn Thiện Đ lại tự ý đi đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi chưa được sự đồng ý của cụ Sánh và các đồng thừa kế khác của cụ Th là ảnh hưởng đến quyền lợi của cụ S và các đồng thừa kế khác.

Sau khi phát hiện bà H, ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ S, bà T và bà L khởi kiện yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H, ông Đ và yêu cầu chia thừa kế tài sản nhà, đất nêu trên.

Ông Lê Văn B cho rằng bà H, ông Đ đã được Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02172kA (AM 433725) ngày 02/04/2009 đối với khu đất 83,2m², thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại ấp ML 1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang nên ông B yêu cầu dùng tài sản này để thi hành bản án dân sự đã có hiệu lực pháp luật, trong đó bà H, ông Đ là người phải thi hành án trả cho ông B 223.794.000 đồng.

Tuy nhiên, như đã phân tích nêu trên thì việc vợ chồng bà H tự ý đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất 83,2m², thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại ấp ML 1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh An Giang là trái với quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ S, bà T và bà L là có căn cứ.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông B cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tính công sức đóng góp, tôn tạo vào di sản của bà H, ông Đ khi chia thừa kế là sai. Tuy nhiên, có đủ căn cứ xác định bà H, ông Đ không thuộc trường hợp được hưởng công sức, đóng góp, tôn tạo vào di sản tranh chấp nêu trên vì khu nhà đất này cụ S là người quản lý, sử dụng liên tục từ

trước đến nay. Do đó Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Lê Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Văn B phải nộp 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 650, Điều 651 và khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Bạch T, bà Trần Thị Bạch L

2.1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02172kA, thửa số 5, tờ bản đồ số 42 do UBND thành phố LX cấp ngày 02/4/2009 cho bà Trần Thị Bạch H và ông Nguyễn Thiện Đ đứng tên, đất có diện tích 83,2m², tọa lạc: ấp ML 1, xã MHH, thành phố LX, An Giang.

2.2. Công nhận cho bà Trần Thị Bạch L được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 83,2m², cùng căn nhà gắn liền trên đất có kết cấu khung gỗ, vách tấm xi măng, gạch bông, gạch tàu, có lầu ván, mái tote. Đất và nhà tọa lạc tại ấp ML 1, xã MHH, thành phố LX, An Giang. Bà L có nghĩa vụ đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai và quản lý nhà ở để làm thủ tục đăng ký, tách, chuyển để đứng tên quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích nêu trên.

2.3. Công nhận cho bà Trần Thị Bạch L được quyền quản lý sử dụng số tiền số tiền 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng).

2.4. Bà L có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Trần Thị Bạch T, bà Trần Thị Bạch M và bà Trần Thị Bạch H mỗi người một kỷ phần bằng 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng).

2.5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 09/5/2019 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về việc

“cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” đối với ông Nguyễn Thiện Đ và bà Trần Thị Bạch H.

4. Về án phí và lệ phí toà án:

4.1. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Bạch L đồng ý chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Bà L đã nộp xong.

4.2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Bạch T và bà Trần Thị Bạch L không phải chịu. Hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Bạch T và bà Trần Thị Bạch L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.080.000 đồng (hai triệu không trăm tám chục ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004370 ngày 12/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang

Bà Trần Thị Bạch H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn B phải chịu 300.000 đồng. Số tiền ông Lê Văn B nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005651 ngày 01/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang được khấu trừ vào tiền án phí ông B phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- ND (3);
- BD (2);
- NLQ (4);
- Lưu (6). HS (2). 21b (Án-NTTAM)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huỳnh

